ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

TRƯỜNG MẦM NON 14

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

TRƯỜNG MẦM NON 14

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Thị Nam Phương	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Đỗ Thụy Bảo Trâm	Tổ trưởng Mẫu giáo 4-5 tuổi; Chủ tịch Công đoàn	Phó chủ tịch hội đồng	
3	Nguyễn Bùi Khánh Vy	Tổ trưởng Mẫu giáo 5-6 tuổi	Thư ký hội đồng	
4	Hoàng Thị Vượt	Tổ trưởng Mẫu giáo 3-4 tuổi	Ủy viên hội đồng	
5	Trần Thị Mỹ Hà	Tổ trưởng nhà trẻ từ 13-18 tháng đến 25-36 tháng	Ủy viên hội đồng	
6	Lê Thị Hoà	Văn thư; Tổ trưởng tổ văn phòng	Ủy viên hội đồng	
7	Đinh Thị Mộng Nguyệt	Kế toán	Ủy viên hội đồng	
8	Đào Thị Thúy Vân	Giáo viên - Bí thư Chi đoàn	Ủy viên hội đồng	
9	Hoàng Thị Huyền Trang	Giáo viên - Ban Thanh tra nhân dân	Ủy viên hội đồng	

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	3
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	11
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	11
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	13
Mở đầu	13
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	14
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác	16
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	18
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	20
Tiêu chí 1.5: Tuyển sinh, tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	23
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	25
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	27
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	29
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	30
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	32
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	35
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	35
Mở đầu	35
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	36
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	38
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	41
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	43

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	44
Mở đầu	44
Tiêu chí 3.1: Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	44
Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	45
Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	49
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	52
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	53
Mở đầu	53
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ	53
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp các tổ chức, cá nhân của nhà trường	55
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	57
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	58
Mở đầu	58
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	58
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	60
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	62
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	65
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	67
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	68
Phần IV. PHỤ LỤC	1

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x		
Tiêu chí 1.5		x		
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x		
Tiêu chí 2.2		x	x	
Tiêu chí 2.3		x		
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x		
Tiêu chí 3.2		x		
Tiêu chí 3.3		x		
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	

Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	x

Kết quả: đạt Mức 1

2. Kết luận: Trường đạt Mức 1.

Phần I

CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường Mầm non 14.

Tên trước đây (nếu có): Nhà trẻ Hoa Phượng.

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh.

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Hồ Chí Minh	Họ và tên hiệu trưởng	Nguyễn Thị Nam Phương
Huyện/quận/thị xã/ thành phố	quận Bình Thạnh	Điện thoại	08.3551.0509
Xã/ phường/thị trấn	Phường 14	Fax	Không
Đạt CQG	Không	Website	http://mn14binhthanh.hcm.edu.vn
Nămthànhlậptrường (theoquyết địnhthànhlập)	1994	Số điểm trường	01 điểm chính
Công lập	x	Loại hình khác	Không
Tư thục	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Dân lập	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	00	00	00	00	00
Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	02	02	02	02	02
Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	02	02	02	01	01
Số lớp mẫu giáo 3-4 tuổi	03	03	03	03	02
Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	03	02	03	02	03
Số lớp mẫu giáo 5-6 tuổi	02	03	02	02	02
Cộng	12	12	12	10	10

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	12	12	12	12	12	
1	Phòng kiên cố	12	12	12	12	12	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
II	Khối phòng phục vụ học tập	12	12	12	12	12	
1	Phòng kiên cố	12	12	12	12	12	

2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
III	Khối phòng hành chính quản trị	04	04	04	04	04	
1	Phòng kiên cố	04	04	04	04	04	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
IV	Khối phòng tổ chức ăn	12	12	12	12	12	Dùng chung
1	Nhà trẻ	04	04	04	04	04	
2	Mẫu giáo	08	08	08	08	08	
V	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	05	05	05	05	05	
1	Phòng giáo dục âm nhạc	01	01	01	01	01	
2	Phòng giáo dục thể chất	01	01	01	01	01	
3	Phòng thư viện	01	01	01	01	01	
4	Phòng y tế	01	01	01	01	01	
5	Nhà bếp	01	01	01	01	01	
	Cộng	21	21	21	21	21	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 9 năm 2024.

	Tổng số	**Nữ**	**Dân tộc**	**Trình độ đào tạo**			**Ghi chú**
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	00	00	00	01	
Phó hiệu trưởng	00	00	00	00	00	00	
Giáo viên	20	20	00	00	02	18	
Nhân viên	09	07	00	00	08	00	
Cộng	30	28	00	00	10	19	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	**Số liệu**	**Năm học 2019-2020**	**Năm học 2020-2021**	**Năm học 2021-2022**	**Năm học 2022-2023**	**Năm học 2023-2024**
1	Tổng số giáo viên	25	24	25	21	20
2	Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên(đối với nhóm trẻ)	18,8/1	9/1	6.8/1	7.6/1	9/1
3	Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên *(đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)*	00	00	00	00	00
4	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên *(đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)*	13,4/1	14,2/1	9/1	11,7/1	11,7/1
5	Tổng số	05	02	08	03	07

	giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)					
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	00	00	00	00	00
...	Các số liệu khác (nếu có)	00	00	00	00	00

4. Trẻ em

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	302	294	207	222	218	
	- *Nữ*	136	137	100	114	115	
	- *Dân tộc thiểu số*	04	05	03	03	06	
2	Đối tượng chính sách	02	02	02	02	01	
3	Khuyết tật	00	01	00	00	00	
4	Tuyển mới	60	44	23	61	24	
5	Học 2 buổi/ngày	00	00	00	00	00	
6	Bán trú	302	294	207	222	218	
7	Tỉ lệ trẻ em/lớp	28,4/1	26,6/1	19,/1	25,1/1	23,4/1	
8	Tỉ lệ trẻ em/nhóm	18,8/1	20,3/1	13.5/1	15,3/1	18/1	
	- Trẻ em từ 03 đến 12	00	00	00	00	00	

	tháng tuổi						
	- Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi	35	37	15	29	27	
	- Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi	40	44	39	17	27	
	- Trẻ em từ 3-4 tuổi	61	66	47	62	33	
	- Trẻ em từ 4-5 tuổi	85	63	59	55	71	
	- Trẻ em từ 5-6 tuổi	81	84	47	59	60	
...	Các số liệu khác (nếu có)	00	00	00	00	00	

Phần II
TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Mầm non 14 trước đây là Nhà trẻ Hoa Phượng, đến ngày 19 tháng 9 năm 1994 sáp nhập với trường Mẫu giáo Măng non 14 được đổi tên thành Trường Mầm non 14 và được Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh cấp kinh phí xây mới toàn bộ.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, nhà trường đã đạt được nhiều thành tích cao, đóng góp tích cực hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương. Nhà trường liên tục đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc từ năm 2002 đến năm 2020 và đạt Tập thể lao động tiên tiến từ năm 2021 đến nay.

Nhà trường đã vinh dự được nhận Huân chương lao động hạng 3 năm học 2018-2019, từ năm 2001-2003 được trao tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, nhận bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo vào các năm học 1993-1994, 1996-1997, 2010-2011. Ngoài ra, trong suốt thời gian hoạt động trường nhận được rất nhiều bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố trao tặng. 02 tổ chức đoàn thể trong nhà trường là Công đoàn và Chi đoàn luôn đạt danh hiệu vững mạnh xuất sắc, năm học 2010-2011 Công đoàn trường được nhận cờ thi đua của Liên đoàn Lao động Thành phố. Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo Đảng, Chính quyền, Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân Phường 14, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh và sự hỗ trợ tích cực của Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường được bố trí đầy đủ theo Điều lệ trường mầm non và được phân công hợp lý; có đạo đức tác phong tốt, phẩm chất chính trị vững vàng, nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm cao, luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao. Năm học 2023-2024, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ chuyên môn đạt chuẩn 100%, trên chuẩn 90%; giáo viên năng động, sáng tạo trong vận dụng phương pháp vào Chương trình giáo dục mầm non; 100%, giáo viên được xếp loại khá trở lên.

Tỷ lệ huy động trẻ ra trường luôn đạt mức quy định. Trẻ hồn nhiên, mạnh dạn trong giao tiếp, tích cực tham gia các hoạt động. Cha mẹ trẻ có nhận thức và nắm được kiến thức cơ bản trong công tác nuôi, dạy trẻ.

Trước yêu cầu thực tiễn về việc nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục mầm non, hằng năm Trường Mầm non 14 đã triển khai công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường theo nội dung, tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Mục đích tự đánh giá

Mục đích của việc tự đánh giá nhằm giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường.

Thông qua kết quả tự đánh giá giúp cho tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu của trường, từ đó có biện pháp khắc phục phù hợp để cải thiện chất lượng hoạt động của nhà trường trong những năm tiếp theo nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quy định.

Thông qua việc tự đánh giá, nhận thức của cán bộ quản lý và tập thể giáo viên, nhân viên về công tác đảm bảo và hoàn thiện chất lượng được thay đổi theo chiều hướng tích cực hơn. Công tác quản lý nhà trường ngày một chặt chẽ và quy củ hơn. Công tác tự đánh giá sẽ thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động giáo dục. Mỗi cá nhân sẽ nhận thức rõ hơn vai trò và trách nhiệm của mình trước nhiệm vụ được giao.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

3.1. Ngày 15 tháng 8 năm 2024: Thành lập hội đồng tự đánh giá.

Họp hội đồng trường cùng thảo luận về mục đích, phạm vi và xác định các thành viên của hội đồng kiểm định chất lượng nhà trường. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá của trường.

3.2. Ngày 05 tháng 9 năm 2024: Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.

Xây dựng kế hoạch tự đánh giá, phổ biến kế hoạch tự đánh giá đến toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong hội đồng tự đánh giá.

3.3. Ngày 13 tháng 9 năm 2024: Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.

Thảo luận về những vấn đề phát sinh và xác định những thông tin, minh chứng cần thu thập bổ sung, chỉnh sửa, bổ sung các nội dung của từng tiêu chí để lấy ý kiến góp ý. Thông qua đề cương chi tiết báo cáo tự đánh giá.

3.4. Ngày 28 tháng 10 năm 2024: Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

Kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá và các nội dung liên quan. Họp hội đồng tự đánh giá để thông qua báo cáo tự đánh giá đã điều chỉnh, công bố dự thảo báo cáo tự đánh giá trong nội bộ nhà trường và đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

3.5. Ngày 08 tháng 11 năm 2024: Viết báo cáo tự đánh giá.

Thu thập các ý kiến đóng góp dự thảo báo cáo tự đánh giá. Bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá sau khi có các ý kiến góp ý. Đề xuất những kế hoạch cải tiến chất lượng.

3.6. Ngày 14 tháng 12 năm 2024: Công bố báo cáo tự đánh giá.

Công bố báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện trong nội bộ nhà trường và gửi báo cáo tự đánh giá cho Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Mầm non 14 có cơ cấu tổ chức theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non. Đã thành lập Hội đồng trường theo quyết định của Ủy Ban nhân dân quận Bình Thạnh, thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của chính quyền địa phương và cơ

quan quản lý giáo dục cấp trên; thực hiện tốt các phong trào thi đua do ngành giáo dục và địa phương phát động.

Nhà trường thực hiện công tác quản lý chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thực hiện việc quản lý tài chính, tài sản theo quy định của Nhà nước; chú trọng công tác bảo đảm an ninh trật tự, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ, chăm sóc sức khoẻ cho trẻ và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; tổ chức tốt các hoạt động lễ hội, văn nghệ, vui chơi phù hợp với điều kiện địa phương.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triểncó sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có xây dựng phương hướng chiến lược, kế hoạch cụ thể, phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất,

tình cảm, thẩm mĩ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách được quy định tại Luật giáo dục. Phương hướng chiến lược phù hợp với định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của đơn vị, cụ thể: hoàn thành kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo Tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục; xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và nhà giáo giỏi chuyên môn [H1-1.1-01].

b) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xác định bằng văn bản và được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh phê duyệt vào ngày 20 tháng 4 năm 2020 [H1-1.1-01].

c) Phương hướng chiến lược của Trường Mầm non 14 được phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và được công khai qua các hình thức: bảng tin tuyên truyền nhà trường, trang website và được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của trường [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03].

Mức 2:

Nhà trường phân công và đề ra các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển theo từng năm học cụ thể đối với từng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Công tác kiểm tra nhằm thúc đẩy sự phát triển mọi mặt được nhà trường đánh giá kịp thời, khách quan [H1-1.1-04].

Mức 3:

Hằng năm, cán bộ quản lý đều rà soát, kiểm tra, bổ sung và điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với tình hình thực tế [H1-1.1-04]. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ, giáo viên, nhân viên. Tuy nhiên, việc bổ sung điều chỉnh đôi khi chưa kịp thời. Chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường chưa có sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường xác định được những mục tiêu cụ thể và đưa ra các giải pháp phù hợp cho từng giai

đoạn nhằm cải tiến chất lượng giáo dục, được kiểm tra định kỳ và bổ sung phù hợp với thực tế.

3. Điểm yếu

Việc điều chỉnh, bổ sung phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển đôi khi chưa kịp thời. Chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường chưa có sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024-2025, hiệu trưởng tiếp tục xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược tới từng cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường. Hiệu trưởng sẽ thành lập Ban kiểm tra và đánh giá thực hiện kế hoạch trong từng năm học. Cán bộ, giáo viên, nhân viên căn cứ kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch công tác cụ thể cho từng cá nhân nhằm đạt hiệu quả cao nhất. Hiệu trưởng thường xuyên phối hợp với cộng đồng thông qua các buổi họp do địa phương tổ chức; mời cha mẹ trẻ cùng tham gia giám sát, đóng góp ý kiến hoặc đề xuất các giải pháp góp phần cùng nhà trường thực hiện có hiệu quả phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng và các hội đồng khác

Mức 1:

a) Được thành lập theo quy định;

b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;

c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường có thành lập các hội đồng theo quy định như: Hội đồng trường [H1-1.2-01]; Hội đồng khoa học xét duyệt sáng kiến [H1-1.2-02];

Hội đồng thi đua khen thưởng [H1-1.2-03]; Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi cấp trường [H1-1.2-04].

b) Các hội đồng thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020. Hội đồng trường làm việc theo phương thức thảo luận, thông qua các nghị quyết tập thể tại các cuộc họp để đưa ra các quyết định trong phạm vi các nhiệm vụ đã được quy định. Hội đồng thi đua khen thưởng xây dựng các nội dung khen thưởng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị theo từng học kỳ, năm học. Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi cấp trường dự giờ các hoạt động học, hoạt động vui chơi và tổ chức giờ ăn được quy định trong chương trình giáo dục mầm non, có tác dụng khuyến khích, động viên giáo viên học hỏi, trao đổi, rút kinh nghiệm trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ và sử dụng đồ dùng dạy học, đồ chơi, môi trường trong, ngoài lớp đạt hiệu quả [H1-1.2-05]; [H1-1.2-06].

c) Hoạt động của các hội đồng được nhà trường rà soát, đánh giá kết thực hiện định kỳ ít nhất 02 lần/năm học thông qua các cuộc họp sơ kết, tổng kết của từng hội đồng [H1-1.2-05]; [H1-1.2-06].

Mức 2:

Các hội đồng hoạt động có hiệu quả như: Hội đồng trường thông qua kết quả đánh giá thi đua, khen thưởng, xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm, chấm thi giáo viên giỏi, đóng góp ý kiến, chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường; Hội đồng thi đua khen thưởng giúp hiệu trưởng tổ chức các phong trào thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường [H1-1.2-05]; [H1-1.2-06]. Tuy nhiên, Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi có tổ chức thực hiện đánh giá kết quả nhưng chưa có nhiều giải pháp hay góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các hội đồng theo quy định của Điều lệ trường mầm non và mỗi hội đồng đều thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

3. Điểm yếu

Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi có tổ chức thực hiện đánh giá kết quả nhưng chưa có nhiều giải pháp hay góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025, hiệu trưởng tiếp tục thành lập các hội đồng và thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Cán bộ quản lý khuyến khích các thành viên hội đồng chấm thi giáo viên giỏi phát huy vai trò và tích cực đưa ra các giải pháp cụ thể, sáng tạo để hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ đạt kết quả tốt hơn nữa.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cựccho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có các tổ chức: Công đoàn cơ sở có 29 công đoàn viên được Liên đoàn lao động quận Bình Thạnh ra quyết định thành lập số 387/QĐ-LĐLĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 [H1-1.3-01]; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh gồm 09 đoàn viên [H1-1.3-02] và 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia Hội Khuyến học [H1-1.3-03].

b) Đoàn thể và các tổ chức trong nhà trường thường xuyên tiến hành kiểm tra, rà soát, đánh giá và đề ra các giải pháp thực hiện các hoạt động, cụ thể: Công đoàn, Chi đoàn họp 01 tháng/01 lần; Chi hội Khuyến học và Chi hội Chữ thập đỏ họp 02 lần/năm học góp phần giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục đạt hiệu quả [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

c) 02 đoàn thể và các tổ chức trong nhà trường thường xuyên kiểm tra, rà soát, đánh giá và đề ra các giải pháp thực hiện, cụ thể: Công đoàn, Chi đoàn họp 01lần/tháng; Hội Khuyến học và Chữ thập đỏ họp chung hằng tháng với Hội đồng sư phạm [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

Mức 2:

a) Trường có Chi bộ độc lập, tính tới thời điểm hiện tại có 17 đảng viên, được Đảng ủy Phường 14 ra quyết định thành lập số 46-QĐ/ĐU ngày 06 tháng 12 năm 2012. Chi bộ hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ năm 2020 đến năm 2024 Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-04].

b) 02 đoàn thể và Hội Khuyến học, Hội Chữ thập đỏ đều hoạt động có hiệu quả và đóng góp tích cực cho hoạt động của nhà trường như: Tham gia tình nguyện hiến máu nhân đạo; các hoạt động xã hội nhân đạo; quyên góp thực hiện công trình chữ thập đỏ vận động hội viên đóng góp thực hiện công trình tặng suất học bổng cho học sinh khó khăn; phát động phong trào "Nuôi heo đất", qua đó chăm lo cho giáo viên, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, chăm lo cho công nhân viên chức- người lao động bị bệnh hiểm nghèo, bệnh ung thư, tai nạn lao động; đóng góp vải áo dài, các đồ dùng gia dụng cho công nhân viên chức-người

lao động có hoàn cảnh khó khăn do Liên đoàn Lao động Quận phát động [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

Mức 3:

a) Từ năm 2020 đến năm 2024 Chi bộ đều được Đảng ủy Phường 14 quận Bình Thạnh đánh giá và công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-04].

b) Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng, tích cực tham gia các phong trào do cấp trên phát động và nhiều năm liền đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ và vững mạnh xuất sắc. Tuy nhiên, Hội Khuyến học chưa được phát động rộng rãi đến cha mẹ trẻ nên chưa vận động được nguồn quỹ từ phía cha mẹ trẻ [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

2. Điểm mạnh

Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng, tích cực tham gia các phong trào do cấp trên phát động và đạt giải cao, nhiều năm liền đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ và vững mạnh xuất sắc.

Chi bộ lãnh đạo nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn.

3. Điểm yếu

Hội Khuyến học chưa được phát động rộng rãi đến cha mẹ trẻ nên chưa vận động được nguồn quỹ từ phía cha mẹ trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ học kỳ 2 năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục đảm bảo các yêu cầu về cơ cấu tổ chức và hoạt động của các tổ chức theo quy định của pháp luật. Hiệu trưởng và Chi hội trưởng Hội Khuyến học vận động cha mẹ trẻ tham gia xây dựng quỹ khuyến học cho nhà trường qua các buổi họp.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Mầm non 14 có cô Nguyễn Thị Nam Phương là Hiệu trưởng do Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh bổ nhiệm theo quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2024 [H1-1.4-01]. Tính tới thời điểm hiện tại nhà trường chưa đủ số lượng cán bộ quản lý theo quy định [H1-1.4-02; [H1-1.4-03].

b) Trường có các tổ chuyên môn: tổ chuyên môn khối nhà trẻ có 06 giáo viên, tổ chuyên môn khối mẫu giáo 3-4 tuổi có 04 giáo viên, tổ chuyên môn khối mẫu giáo 4-5 tuổi có 04 giáo viên, tổ chuyên môn khối mẫu giáo 5-6 tuổi có 06 giáo viên, tổ cấp dưỡng có 04 thành viên và tổ văn phòng có 05 thành viên, mỗi tổ đều có 01 tổ trưởng được hiệu trưởng ra quyết định thành lập số 93/QĐ-MN14 ngày 14 tháng 8 năm 2024 [H1-1.4-04]. Do số lượng thành viên của mỗi tổ ít nên không có tổ phó.

c) Các tổ chuyên môn của nhà trường đều có kế hoạch hoạt động theo tuần, tháng, năm học [H1-1.4-05]. Chế độ sinh hoạt của các tổ chuyên môn được tổ chức định kỳ 2 tuần/1 lần nhằm bồi dưỡng chuyên môn, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên

trong tổ [H1-1.4-06]; tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non [H1-1.4-07]; [H1-1.4-08]. Tổ văn phòng có kế hoạch cho từng tháng, năm và lịch công tác cụ thể cho các thành viên của tổ [H1-1.4-09], giúp hiệu trưởng quản lý tài chính, tài sản, lưu trữ hồ sơ của nhà trường [H1-1.4-10]. Tuy nhiên, nội dung sinh hoạt của tổ văn phòng chưa sâu, chưa có nhiều đề xuất, giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả chất lượng các hoạt động trong tổ.

Mức 2:

a) Hằng năm, dựa vào các chuyên đề trọng tâm của nhà trường, tổ chuyên môn đề xuất ít nhất 01 chuyên đề để thực hiện nhằm góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác chăm sóc và giáo dục trẻ như chuyên đề: "Tổ chức bữa ăn cho trẻ"; "Ứng dụng STEAM trong tổ chức hoạt động cho trẻ"; "Hướng dẫn tổ chức các hoạt động giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe và bảo đảm an toàn cho trẻ trong cơ sở giáo dục mầm non"; "Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, nhằm hình thành và phát triển các biểu tượng toán cho trẻ mầm non"; "Đổi mới hoạt động giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ" [H1-1.4-11].

b) Hằng tháng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng họp định kỳ để kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục [H1-1.2-06]; [H1-1.4-06].

Mức 3:

a) Thông qua các buổi họp của tổ chuyên môn và tổ văn phòng, các thành viên trong tổ đưa ra các biện pháp trong việc thực hiện công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H1-1.4-05].

b) Các thành viên trong tổ chuyên môn đầu tư có hiệu quả cho các hoạt động của chuyên đề góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, các chuyên đề thực hiện đều được đánh giá từ khá trở lên [H1-1.4-11].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Các tổ xây dựng kế hoạch năm, tháng, thực hiện tốt các nhiệm vụ và hoạt động theo quy định của Điều lệ trường mầm non.

Các tổ chuyên môn thực hiện tốt các chuyên đề được cán bộ quản lý phân công và đăng ký.

3. Điểm yếu

Nội dung sinh hoạt của tổ văn phòng chưa sâu, chưa có nhiều đề xuất, giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả chất lượng các hoạt động trong tổ.

Nhà trường chưa có đủ số lượng cán bộ quản lý theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 3 năm học 2024-2025, cán bộ quản lý tiếp tục kiểm tra hoạt động của các tổ chuyên môn, tiếp tục duy trì việc xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo năm, tháng; tổ chức sinh hoạt theo định kỳ và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định. Hiệu trưởng chỉ đạo và tham gia các buổi sinh hoạt chuyên môn của các tổ nhằm gợi ý, hướng dẫn và khuyến khích giáo viên, nhân viên mạnh dạn đưa ra các ý kiến đề xuất, những khó khăn trong quá trình thực hiện để tìm ra biện pháp khắc phục nhằm đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. Hiệu trưởng giám sát tiến trình và nội dung họp chuyên môn của tổ văn phòng đảm bảo sinh hoạt đúng định kỳ và có chất lượng.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.5: Tuyển sinh, tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Thực hiện tuyển sinh theo yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi theo quy định;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép; số lượng trẻ khuyết tật học hòa nhập trên mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đảm bảo theo quy định;

c) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện tuyển sinh theo yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi theo quy định [H1-1.5-01].

b) Nhà trường thực hiện phân chia trẻ theo độ tuổi đúng quy định, cụ thể: 01 nhóm 13-18 tháng, 01 nhóm 18-24 tháng, 01 nhóm 25-36 tháng, 02 lớp 3-4 tuổi, 02 lớp 4-5 tuổi và 03 lớp 5-6 tuổi [H1-1.5-01]. Tuy nhiên, tỷ lệ huy động trẻ 4-5 tuổi đến trường còn thấp; Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01].

c) 100% trẻ ở các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học bán trú tại trường [H1-1.5-02].

Mức 2:

Năm học 2024-2025. Số trẻ trong các nhóm, lớp được phân chia theo độ tuổi như sau:

+ Nhóm 13 đến 18 tháng tuổi: 09 trẻ/01 nhóm.

+ Nhóm 19 đến 24 tháng tuổi: 10 trẻ/01 nhóm.

+ Nhóm 25 đến 36 tháng tuổi: 18 trẻ/01 nhóm.

+ Lớp 3-4 tuổi: 38 trẻ/02 lớp.

+ Lớp 4-5 tuổi: 32 trẻ/02 lớp.

+ Lớp 5-6 tuổi: 75 trẻ/03 lớp [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Trẻ được phân chia theo độ tuổi, 100% trẻ được học bán trú tại trường.

3. Điểm yếu

Tỉ lệ huy động trẻ 4-5 tuổi đến trường còn thấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục thực hiện đúng chỉ tiêu tuyển sinh, nhận và phân chia trẻ đúng độ tuổi đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được tốt nhất. Nhà trường phối hợp Hội đồng giáo dục Phường 14 thông tin đến người dân trên địa bàn kế hoạch tuyển

sinh để huy động đủ sĩ số trẻ 4-5 tuổi đến trường đạt chỉ tiêu số lượng các nhóm nhà trẻ và phân bố số lượng trẻ ở lớp mẫu giáo theo đúng quy định.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tất cả các hồ sơ, văn bản của nhà trường được lưu trữ, bảo quản đầy đủ theo quy định của Luật lưu trữ, cụ thể: Hồ sơ quản lý nhân sự [H1-1.4-04]; Hồ sơ quản lý trẻ [H1-1.5-02]; Hồ sơ quản lý tài sản, tài chính [H1-1.4-06]; Hồ sơ kế toán [H1-1.6-01]; Hồ sơ quản lý bán trú [H1-1.6-02].

b) Hằng năm, nhà trường có lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản cho Phòng tài chính-Kế hoạch theo quy định và được Ủy ban nhân dân và Phòng Tài chính-Kế hoạch quận Bình Thạnh phê duyệt. Hằng tháng tự kiểm tra tài chính, tài sản và có công khai qua bảng tin của

trường cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ biết và tham gia giám sát, kiểm tra theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT. Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng, bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-03].

c) Nhà trường quản lý, sử dụng hiệu quả tài chính, tài sản đảm bảo đúng mục đích để phục vụ các hoạt động giáo dục, cụ thể: thực hiện đúng các chế độ chi trả từ ngân sách như lương, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp thâm niên, phụ trội thêm giờ, hỗ trợ giáo viên theo Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017. Các khoản thu hộ, chi hộ, thu theo thỏa thuận cũng được bộ phận kế toán quan tâm thực hiện đúng theo văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh. Hằng năm, nhà trường tổ chức kiểm kê tài sản các nhóm, lớp, bộ phận và ghi nhận vào sổ quản lý tài sản [H1-1.6-01].

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường như: Cổng thông tin điện tử, mạng thông tin nội bộ, phần mềm bán trú, các phần mềm chuyên môn giáo dục [H1-1.6-04].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm tự đánh giá, nhà trường không có vi phạm nào liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo các kết luận kiểm tra [H1-1.6-05].

Mức 3:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế của địa phương [H1-1.6-06]; [H1-1.6-07]. Trường chưa xây dựng được kế hoạch tài chính dài hạn.

2. Điểm mạnh

Nhà trường quản lý tốt hành chính, tài chính, tài sản theo quy định. Cán bộ quản lý ứng dụng công nghệ thông tin đạt hiệu quả trong quản lý. Nhà trường không có vi phạm nào liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

3. Điểm yếu

Trường chưa xây dựng được kế hoạch tài chính dài hạn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 4 năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo kế toán, văn thư lưu trữ hồ sơ, văn bản theo quy định. Sử dụng đúng mục đích và phát huy hiệu quả công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản phục vụ các hoạt động của nhà trường.

Tháng 11 năm 2025, hiệu trưởng chỉ đạo kế toán tham mưu xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường có xây dựng kế hoạch bồi dưỡng để nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và triển khai đến đội ngũ trong buổi họp đầu năm [H1-1.7-01]. Tạo điều kiện để giáo viên, nhân viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng do Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh, Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức, vận động giáo viên tham gia lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02].

b) Đầu năm học, nhà trường phân công, sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý theo trình độ chuyên môn, năng lực từng cá nhân nhằm đảm

bảo hiệu quả công việc trong các hoạt động của trường được quy định tại Điều 36 Điều lệ trường mầm non [H1-1.7-03].

c) Cán bộ, giáo viên, nhân viên được bảo đảm các quyền theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Nhà trường luôn tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện tốt nhiệm vụ, tham gia các lớp học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; được chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ, bảo vệ nhân phẩm, danh dự; được hưởng các chế độ lương và các chế độ phụ cấp khác theo quy định [H1-1.7-04]; [H1-1.7-05].

Mức 2:

Hằng năm, thông qua các hoạt động thực tế của cán bộ, giáo viên, nhân viên, nhà trường nắm được điểm mạnh, điểm yếu của từng cá nhân để đưa các biện pháp bồi dưỡng cụ thể, phù hợp nhằm phát huy năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02]; [H1-1.7-06]. Tuy nhiên, chưa có biện pháp động viên được giáo viên tham gia học bồi dưỡng nâng cao trình độ thạc sĩ.

2. Điểm mạnh

Nhà trường phân công và sử dụng đội ngũ hợp lý, tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện tốt nhiệm vụ và tham gia học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ; được đảm bảo các quyền lợi theo quy định; có các biện pháp phát huy năng lực của đội ngũ trong việc xây dựng và phát triển nhà trường.

3. Điểm yếu

Chưa có biện pháp động viên được giáo viên tham gia học bồi dưỡng nâng cao trình độ thạc sĩ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 3 năm 2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tăng cường hướng dẫn giáo viên tổ chức các hoạt động, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên. Hiệu trưởng có biện pháp động viên, khuyến khích, tạo điều kiện, tuyên dương khen thưởng giáo viên học cao học.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện nhiệm vụ giáo dục theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Kế hoạch hoạt động giáo dục của nhà trường đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và điều kiện thực tế của địa phương, điều kiện của nhà trường, được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh phê duyệt [H1-1.8-01].

b) Cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện tốt các nội dung theo kế hoạch: Kế hoạch chăm sóc giáo dục [H1-1.8-01]; Kế hoạch chăm sóc nuôi dưỡng [H1-1.8-02]; giáo viên thực hiện kế hoạch giáo dục trên phần mềm Mindjet MindManager và thực hiện đánh giá trẻ theo tháng, quý để có hướng điều chỉnh, bổ sung kịp thời nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ tại nhóm, lớp đảm bảo các mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non [H1-1.8-03].

c) Kế hoạch giáo dục của cán bộ quản lý, giáo viên xây dựng và thực hiện đầy đủ theo Chương trình giáo dục mầm non, được đánh giá và điều chỉnh kịp thời theo từng tháng, từng lĩnh vực phù hợp với khả năng của trẻ [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Mức 2:

Đầu năm học, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch và kiểm tra việc thực hiện của các tổ chuyên môn để đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo

dục trẻ [H1-1.8-04]. Phòng Giáo dục và Đào tạo kiểm tra công tác nuôi dạy theo định kỳ và đánh giá các hoạt động nuôi dạy của nhà trường trong các năm học đều đạt tốt [H1-1.8-04]. Hiệu trưởng thường xuyên kiểm tra kế hoạch và việc tổ chức thực hiện của giáo viên để có các biện pháp chỉ đạo, điều chỉnh giáo viên thực hiện Chương trình giáo dục đạt hiệu quả và phù hợp với điều kiện địa phương, nhóm, lớp [H1-1.8-01]. Tuy nhiên, còn 02 giáo viên mới chưa kịp thời điều chỉnh, bổ sung, thay đổi một số hoạt động cho phù hợp với khả năng của trẻ.

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục trẻ đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và thực tế tại địa phương; cán bộ quản lý thường xuyên rà soát, kiểm tra và điều chỉnh kế hoạch giáo dục để tăng hiệu quả chăm sóc giáo dục trẻ tại đơn vị và được cấp trên đánh giá cao.

3. Điểm yếu

Còn 02 giáo viên mới chưa kịp thời điều chỉnh, bổ sung, thay đổi một số hoạt động cho phù hợp với khả năng của trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 9 năm 2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục xây dựng kế hoạch quản lý các hoạt động giáo dục phù hợp với quy định hiện hành. Cán bộ quản lý thường xuyên kiểm tra, rà soát và đánh giá giáo viên trong việc thực hiện kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ để đạt hiệu quả cao hơn. Hiệu trưởng có kế hoạch bồi dưỡng giáo viên mới xây dựng kế hoạch giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non phù hợp với khả năng của trẻ tại nhóm, lớp.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, trong Hội nghị cán bộ công chức, viên chức: cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường (theo quy định tại Quy chế thực hiện dân chủ của nhà trường theo Quyết định số 04/2000/QĐ-BGDĐT ngày 01/3/2000 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02].

b) Trong 5 năm gần đây, nhà trường không có đơn thư, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh trong quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và các vấn đề liên quan đến việc thực hiện Quy chế dân chủ tại cơ sở [H1-1.8-04]; [H1-1.9-01].

c) Hằng năm, nhà trường có báo cáo tổng kết thực hiện quy chế dân chủ cơ sở và tổ chức họp mỗi tháng 01 lần để kiểm tra, giám sát các hoạt động thực hiện kế hoạch [H1-1.9-01].

Mức 2:

Hiệu trưởng ra quyết định thành lập ban chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường. Ban chỉ đạo thường xuyên giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ của cán bộ, giáo viên, nhân viên, ban thanh tra nhân dân thực hiện đúng chức năng giám sát thường xuyên. Nhà trường thực hiện việc công khai tài chính thường xuyên thông qua các hình thức như họp Hội đồng sư phạm, trên bảng tin của trường và trong Hội nghị Cán bộ công chức, viên chức [H1-1.6-01]; [H1-1.9-02]. Tuy nhiên, đôi khi các báo cáo tài chính hằng tháng chưa công khai kịp thời trên bảng tin.

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ cơ sở. Trong công tác quản lý tài chính, tài sản, nhà trường thực hiện một cách nghiêm túc,

chặt chẽ; có các văn bản quy định hiện hành về quản lý tài chính; có đầy đủ hồ sơ sổ sách, chứng từ và thực hiện công khai tài chính thường xuyên. Trong nhiều năm qua, nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo.

3. Điểm yếu

Đôi khi các báo cáo tài chính chưa được công khai kịp thời trên bảng tin của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 9 năm 2024 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục đẩy mạnh việc chỉ đạo, thực hiện quy chế dân chủ trong trường học. Duy trì không có đơn thư khiếu nại, tố cáo. Hiệu trưởng xây dựng khối đoàn kết nhất trí cao từ cán bộ quản lý đến từng giáo viên, nhân viên, đảm bảo dân chủ, công bằng trong nhà trường và thường xuyên kiểm tra việc công khai tài chính của kế toán.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Đảm bảo theo quy định về an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; an toàn phòng, chống tai nạn thương tích;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trong mỗi năm học, nhà trường đều có phương án đảm bảo an ninh trật tự trường học và tổ chức thực hiện thường xuyên, đạt hiệu quả. Trường đã xây dựng quy chế phối hợp với cơ quan công an tại địa phương trong việc đảm bảo an ninh trật tự trường học [H1-1.10-01]. Thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch và phương án phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ [H1-1.10-02]; phương án phòng cháy chữa cháy trong nhà trường [H1-1.10-03]; kế hoạch vệ sinh an toàn thực phẩm, bếp ăn của trường được xây dựng theo quy trình vận hành một chiều đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy định [H1-1.10-04]; kế hoạch phòng chống dịch bệnh [H1-1.10-05]; kế hoạch phòng chống thiên tai biến đổi khí hậu [H1-1.10-06]. Có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và các cơ quan có liên quan trong việc phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm thông qua các văn bản phối hợp và quy trình tổ chức thực hiện và được cơ quan quản lý cấp trên cấp giấy chứng nhận "Trường học an toàn phòng chống tai nạn thương tích" và không để xảy ra các vấn đề bạo lực học đường trong nhà trường.

b) Nhà trường có hộp thư góp ý được gắn ở trước cổng trường, có đường dây nóng qua số điện thoại của Hiệu trưởng và có lịch tiếp dân để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân và cha mẹ trẻ; thực hiện phân công ca trực bảo vệ 24/24 giờ; Nhà trường thường xuyên thông tin với chính quyền địa phương, Công an Phường 14 phối hợp hỗ trợ công tác an ninh trật tự trong và ngoài nhà trường [H1-1.10-07]; [H1-1.10-08]. Cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ được làm việc và học tập trong môi trường bảo đảm an toàn tuyệt đối.

c) Cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn tôn trọng lẫn nhau, không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.10-09].

Mức 2:

a) Đầu năm học, nhà trường liên hệ các ban ngành tổ chức tập huấn, diễn tập cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về việc thực hiện các phương án đảm bảo an ninh trật tự; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; tham gia lớp học tập, bồi dưỡng về vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-01]; [H1-1.10-04].

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự thông qua các buổi họp hội đồng sư phạm, họp chuyên môn, bảng tin của trường, lớp và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả qua việc nắm bắt dư luận, việc tổ chức các hoạt động hằng ngày của giáo viên, nhân viên để điều chỉnh, định hướng nên không có trường hợp vi phạm nào xảy ra tại đơn vị. Tuy nhiên, do trước cổng trường có một số hộ kinh doanh buôn bán quán ăn nên đôi khi gây cản trở giao thông trong giờ đón, trả trẻ [H1-1.10-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới xảy ra trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Trước cổng trường có một số hộ kinh doanh ăn uống nên đôi khi gây cản trở giao thông trong giờ đón, trả trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ tháng 3 năm 2025 và những năm tiếp theo hiệu trưởng tiếp tục duy trì thực hiện tốt các phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; bếp ăn đảm bảo an toàn thực phẩm; an toàn tuyệt đối cho trẻ và cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Trong buổi họp giao ban cấp ủy định kỳ, hiệu trưởng tham mưu với Ủy ban

nhân dân Phường 14 hỗ trợ đơn vị đảm bảo an ninh trật tự trước cổng trường, tránh gây cản trở giao thông trong giờ đón, trả trẻ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có xây dựng phương hướng chiến lược cụ thể và được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh phê duyệt. Có các hội đồng theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Trẻ được phân chia theo độ tuổi và 100% trẻ học bán trú. Có các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

Điểm yếu cơ bản:

Chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường chưa có sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng.

Chưa có đủ cán bộ quản lý theo quy định.

Trường chưa xây dựng được kế hoạch tài chính dài hạn.

Huy động trẻ 4-5 tuổi ra lớp chưa đạt tỷ lệ.

Trước cổng trường có một số hộ kinh doanh ăn uống nên đôi khi gây cản trở giao thông trong giờ đón, trả trẻ.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên là yếu tố quyết định sự phát triển của nhà trường. Chính vì vậy, nhà trường luôn tập trung công tác đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên để có đủ năng lực nuôi dạy trẻ.

Hiệu trưởng có đủ năng lực để triển khai các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

Giáo viên của nhà trường đạt các yêu cầu về trình độ đào tạo theo quy định của Điều lệ trường mầm non; có kiến thức cơ bản về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật; thực hiện công tác chăm sóc, giáo dục trẻ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thực hiện nghiêm túc việc tự bồi dưỡng nâng cao trình độ

chuyên môn, nghiệp vụ; vận dụng sáng tạo, có hiệu quả các phương pháp giáo dục và ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động giáo dục. Nhân viên nuôi dưỡng có trình độ đạt theo các yêu cầu quy định của Điều lệ trường mầm non. Cán bộ, giáo viên và nhân viên của nhà trường được đánh giá xếp loại hằng năm và được đảm bảo các quyền lợi theo quy định của pháp luật.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên.

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiệu trưởng có thời gian công tác liên tục trong ngành giáo dục mầm non trên 30 năm, có bằng đại học sư phạm mầm non, giấy chứng nhận lớp cán bộ quản lý giáo dục [H1-1.4-01].

b) Cuối mỗi năm học, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng thực hiện việc đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo quy định và được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên [H2-2.1-01].

+ Kết quả đánh giá chuẩn hiệu trưởng (Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo):

Năm học	Chức vụ cán bộ quản lý	Kết quả đánh giá chuẩn hiệu trưởng (tự đánh giá)				Ghi chú
		Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	
2019-2020	Hiệu trưởng	0	01			
	Phó hiệu trưởng	0	02			
2020-2021	Hiệu trưởng	0	01			
	Phó hiệu trưởng	0	02			
2021-2022	Hiệu trưởng	0	01			
	Phó hiệu trưởng	0	01			
2022-2023	Hiệu trưởng	0	0			
	Phó hiệu trưởng	01	0			
2023-2024	Hiệu trưởng	01	0			
	Phó hiệu trưởng	00	0			

c) Cán bộ quản lý nhà trường được tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục mầm non, phần mềm quản lý trường, cổng thông tin điện tử, mạng thông tin nội bộ, Mindjet MindManager, phần mềm bán trú [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03]; [H1-1.7-01].

Mức 2:

a) Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2021-2022, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá, năm học 2022-2023 đến năm học 2023-2024 phó hiệu trưởng được đánh giá chuẩn ở mức tốt [H2-2.1-01].

b) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định và có bằng trung cấp chính trị, hành chính; Cán bộ quản lý nhà trường có phẩm chất đạo đức tốt, chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có lối sống trong sáng, lành mạnh, trung thực; luôn được giáo viên, nhân viên và phụ huynh tín nhiệm cao; có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ; có

năng lực quản lý nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ được giáo viên, nhân viên nhà trường tín nhiệm [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03]; [H2-2.1-01]. Cán bộ quản lý chưa tham gia lớp Cao cấp chính trị để nâng cao trình độ lý luận chính trị.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm tự đánh giá, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường đều đạt chuẩn ở mức khá và tốt theo quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non [H2-2.1-01].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng công tác liên tục trong ngành nhiều năm; đạt trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trên chuẩn; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có năng lực quản lý đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ vị trí công tác đang đảm nhiệm.

3. Điểm yếu

Cán bộ quản lý chưa tham gia lớp Cao cấp chính trị để nâng cao trình độ lý luận chính trị.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong những năm sau cán bộ quản lý tiếp tục tham gia các lớp tập huấn lý luận chính trị theo quy định.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;

b) Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo đảm bảo quy định của Chính phủ và lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên theo kế hoạch của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt Chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60%

đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 20 giáo viên cơ cấu cho 10 nhóm, lớp, với tổng số trẻ là 218 trẻ, đủ số lượng giáo viên theo theo quy định của Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ Giáo dục Đào tạo Hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo văn bản hợp nhất 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành [H1-1.7-03].

b) 100% giáo viên của nhà trường có bằng tốt nghiệp từ cao đẳng sư phạm mầm non trở lên theo quy định của Điều lệ trường mầm non [H1-1.7-02].

Năm học	**Số lượng giáo viên**	**Tỷ lệ % đạt chuẩn trình độ đào tạo**
2019-2020	25	25/25, tỷ lệ 100%
2020-2021	24	24/24, tỷ lệ 100%
2021-2022	25	25/25, tỷ lệ 100%
2022-2023	21	21/21, tỷ lệ 100%
2023-2024	20	20/20, tỷ lệ 100%

c) Nhà trường có 100% giáo viên được xếp loại mức đạt theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non [H1-1.4-07].

+ Kết quả đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non (Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo):

Năm học	**Số lượng giáo viên**	**Tỷ lệ % giáo viên đạt Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non theo quy định** (tự đánh giá)			
		Tốt	**Khá**	**Đạt**	**Chưa đạt**
2019-2020	25	6 24%	15 60%	4 16%	0
2020-2021	24	6 25%	15 62,5%	3 12,5%	0
2021-2022	25	5 20%	18 72%	2 8%	0
2022-2023	21	6 28,6%	13 61,9%	2 9,5%	0
2023-2024	20	6 30%	14 70%	0 0%	0

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên được xếp loại từ đạt trở lên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non và có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H1-1.4-08].

Năm học	**Số giáo viên**	**Số giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên**	**Tỷ lệ %**	**GHI CHÚ**
2019-2020	25	15/25	60%	
2020-2021	24	15/24	62,5%	
2021-2022	25	18/25	72%	
2022-2023	21	13/21	61,9%	
2023-2024	20	14/20	70%	

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo [H1-1.2-05].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên chưa đạt 80%, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt chưa đạt 30% theo quy định [H1-1.4-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định: 20/20 giáo viên, tỷ lệ 90% đạt trình độ chuyên môn trên chuẩn và có 100% giáo viên được xếp loại từ đạt trở lên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá chưa cao (60%).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 8 năm 2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục phân công đủ số giáo viên/nhóm, lớp theo quy định và thực hiện đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non hằng năm. Cố gắng duy trì số lượng giáo viên được xếp loại từ đạt trở lên. Hiệu trưởng tiếp tục bồi dưỡng giáo viên trong công tác chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ để việc đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên đạt được mức khá ít nhất là 80%.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

2.3.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có số lượng nhân viên theo quy định của Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập gồm: 01 kế toán, 01 văn thư kiêm nhân viên y tế và thủ quỹ, 02 bảo vệ, 04 nhân viên nấu ăn, 01 nhân viên phục vụ [H2-2.3-01].

b) Nhân viên nhà trường được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực thực tế của mỗi người. Kế toán có trình độ chuyên môn cao đẳng, đã thông qua lớp học kế toán trưởng, nhân viên văn thư đã học lớp trung văn thư lưu trữ, 02 cấp dưỡng có trình độ trung cấp nấu ăn, 02 cấp dưỡng có trình độ sơ cấp nấu ăn, ngoài ra bảo vệ và các nhân viên khác được bồi dưỡng nghiệp vụ theo công việc được giao [H1-1.4-04].

c) Nhân viên nhà trường hoàn thành các nhiệm vụ được giao: kế toán hoàn thành hồ sơ, sổ sách, chứng từ; nhân viên văn thư hoàn thành tốt công tác văn thư lưu trữ và các nhiệm vụ được giao; nhân viên nấu ăn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, thực hiện quy trình bếp một chiều; bảo vệ đảm bảo ca trực, giữ gìn an ninh trật tự cho mọi hoạt động của nhà trường, không để xảy ra thiệt hại về tài sản trong trường [H1-1.2-06].

Mức 2:

a) Nhà trường có số lượng nhân viên theo quy định của Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H2-2.3-01]. Tuy nhiên, trường thiếu nhân viên y tế phải phân công văn thư kiêm nhiệm.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật [H1-1.2-05].

Mức 3:

a) Nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm: Nhân viên kế toán có trình độ cao đẳng chuyên ngành tài chính-kế toán; 02/04 nhân viên nấu ăn có trình độ sơ cấp nấu ăn, 02/04 nhân viên nấu ăn có trình độ trung cấp nấu ăn; 02 nhân viên bảo vệ đã được dự học các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ bảo vệ; 01 nhân viên văn thư đã có bằng văn thư lưu trữ theo quy định [H2-2.3-01].

b) Hằng năm, nhà trường có tạo điều kiện, khuyến khích nhân viên tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm như: nhân viên nấu ăn học lớp sơ cấp nấu ăn; nhân viên kế toán tham gia các lớp tập huấn về tài chính, hướng dẫn báo cáo quyết toán đối với đơn vị hành chính sự nghiệp; tập huấn thực hiện phần mềm IMAS và lớp nghiệp vụ đấu thầu cơ bản [H1-1.7-01].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên trẻ, nhiệt tình trong công việc, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Còn thiếu nhân viên y tế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 3 năm 2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục phát huy tốt phong trào thi đua tại đơn vị nhằm đẩy mạnh tinh thần phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ của từng cá nhân. Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tuyển dụng vị trí nhân viên y tế, nếu chưa tuyển dụng được, kịp thời ra thông báo hợp đồng nhân viên y tế để đảm bảo thực hiện tốt công tác y tế trường học của nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật:

Giáo viên, nhân viên nhà trường được cơ cấu đầy đủ theo quy định của Điều lệ trường mầm non; 100% cán bộ, giáo viên đạt trình độ trên chuẩn và

được đánh giá xếp loại từ khá trở lên theo Chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

Điểm yếu cơ bản:

Trường còn thiếu nhân viên y tế.

Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt chưa cao.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 03/03.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/03.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu

Cơ sở vật chất và trang thiết bị là một trong những điều kiện quyết định tạo ra môi trường sư phạm, mang tính giáo dục: Hấp dẫn trẻ, thuận lợi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên phát huy năng lực trong việc chăm sóc giáo dục trẻ. Vì vậy, nhà trường không ngừng đầu tư cơ sở vật chất, duy tu, bảo dưỡng và bổ sung các trang thiết bị phù hợp nhằm đáp ứng yêu cầu giáo dục mầm non thời kỳ công nghiệp hóa-hiện đại hóa của đất nước.

Tiêu chí 3.1: Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo, bao gồm:

a) *Vị trí đặt trường, điểm trường;*

b) *Quy mô;*

c) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích sàn xây dựng *các hạng mục công trình.*

1. Mô tả hiện trạng

a) Trường Mầm non 14 tọa lạc tại số 2/17 Nơ Trang Long, Phường 14 quận Bình Thạnh, trường có 01 điểm trường. Trường có biển tên trường theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-01].

b) Năm học 2024-2025 trường có 10 nhóm, lớp tương ứng với số nhóm lớp theo độ tuổi trong đó có: 03 nhóm nhà trẻ, 07 lớp mẫu giáo [H3-3.1-02].

c) Trường Mầm non 14 được xây dựng kiên cố đảm bảo tính thẩm mỹ, có diện tích sử dụng là 2464,6m^2; diện tích sử dụng tính bình quân trên mỗi trẻ là 8,08m^2/trẻ (2464,4m^2/305 trẻ) đảm bảo so với Điều lệ trường mầm non, đáp ứng

tốt các yêu cầu hoạt động học tập, vui chơi cho trẻ ở trường Diện tích sân chơi cho trẻ đạt tỉ lệ 20,7% nhỏ hơn 40%, diện tích xây dựng 864,727 m^2/2464,4 m^2 đạt tỷ lệ 35,1%, nhỏ hơn 40%, chưa đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh

Trường Mầm non 14 được xây dựng kiên cố đảm bảo tính thẩm mỹ Khuôn viên trường có kết cấu hài hòa đảm bảo yêu cầu thiết kế.

3. Điểm yếu

Diện tích sân chơi cho trẻ đạt tỉ lệ 20,7% nhỏ hơn 40%, diện tích xây dựng 864,727 m^2/2464,4 m^2 đạt tỷ lệ 35,1%, nhỏ hơn 40%, chưa đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025, hiệu trưởng chỉ đạo kế toán thực hiện rà soát cơ sở vật chất, lập dự toán, cân đối ngân sách và trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để từng bước xây dựng kế hoạch tu bổ lại sân chơi để đảm bảo diện tích sân chơi theo quy định.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1

Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm

Mức 1:

a) Khối phòng hành chính quản trị;

b) Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em;

c) Khối phòng tổ chức ăn.

Mức 2:

a) Khối phòng hành chính quản trị

b) Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em;

c) Khối phụ trợ.

Mức 3:

Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mực độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có các loại phòng hành chính quản trị: 01 văn phòng trường, 01 phòng hiệu trưởng, 02 phòng phó hiệu trưởng, phòng y tế, phòng bảo vệ [H3-3.1-01].

Phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành: bàn làm việc, máy tính, máy in, tủ đựng hồ sơ... [H3-3.2-01].

Văn phòng trường, được trang bị đầy đủ các bảng biểu, bàn ghế, máy vi tính, máy in, tủ hồ sơ phục vụ cho công việc. Phòng y tế có đầy đủ các thiết bị y tế và đồ dùng theo dõi sức khoẻ trẻ, có cân, thước đo, tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khỏe trẻ và phác đồ sơ cấp cứu, có các loại sổ sách theo dõi sức khỏe trẻ theo yêu cầu. Phòng bảo vệ được trang bị đầy đủ bàn ghế, đồng hồ, quạt, bình chữa cháy.Tuy nhiên, nhà trường chưa có phòng nghỉ dành cho nhân viên [H1-1.4-06]; [H3-3.2-01].

Khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên khô ráo, thường xuyên kiểm tra vệ sinh thoáng mát, sạch sẽ theo lịch vệ sinh hằng ngày và đảm bảo không ô nhiễm môi trường. Trang thiết bị trong nhà vệ sinh cho cán bộ giáo viên nhân viên đầy đủ. Tuy nhiên, diện tích 02 phòng vệ sinh của cán bộ, giáo viên, nhân viên chỉ có 2,73 m^2 và 4,24 m^2 chưa đạt yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-01]; [H3-3.2-02].

Khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý gần phòng bảo vệ, có hàng rào chắn, có mái che và có khu riêng biệt, đảm bảo an toàn, trật tự [H3-3.1-01].

b) Năm học 2024-2025 trường có 10 nhóm, lớp tương ứng với số nhóm lớp theo độ tuổi trong đó có: 03 nhóm nhà trẻ, 07 lớp mẫu giáo [H3-3.1-01].

Nhà trường có 12 phòng sinh hoạt chung để sử dụng tổ chức các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Bên cạnh còn có thêm các phòng chức năng như: phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật, phòng thư viện để trẻ hoạt động. Tuy nhiên, phòng thư viện nhỏ và số lượng sách chưa đa dạng phong phú [H3-3.1-01]; [H3-3.2-03].

Khu vệ sinh, phòng vệ sinh cho trẻ được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định tại Điều lệ trường mầm non: phòng vệ sinh cho trẻ có diện tích 152,65 m^2/305, đạt 0,5 m^2/trẻ; đối với trẻ mẫu giáo có khu vực riêng cho trẻ trai, trẻ gái. Phòng vệ sinh được trang bị đầy đủ các các thiết bị vệ sinh [H3-3.1-01]; [H3-3.2-02].

Hệ thống đèn, quạt được trang bị ở các phòng đảm bảo ánh sáng tự nhiên, thoáng mát cho trẻ hoạt động. Mỗi phòng đều được trang bị tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học phù hợp [H1-1.4-06].

Sân chơi ngoài trời của trẻ được bố trí, trang bị đồ chơi theo quy định tại Thông tư 32/2012/TT-BGDĐT, ngày 14 tháng 9 năm 2012 gồm có: Các đồ chơi liên hoàn, thang leo, thang thăng bằng, có khu vực chơi các trò chơi vận động. Khu vực trẻ chơi được lát gạch, khu vực vận động được trải thảm [H1-1.4-06]; [H3-3.2-04].

c) Bếp ăn có diện tích đảm bảo theo quy định tại Điều 29 Điều lệ trường mầm non với diện tích 85,48m^2/305 trẻ bình quân 0,3m^2/trẻ. Nhà bếp gồm có khu: tiếp phẩm, sơ chế, chế biến, nấu ăn, chia thức ăn và được thiết kế, tổ chức theo quy trình bếp một chiều [H3-3.1-01]. Nhà bếp được trang bị đầy đủ đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn bán trú tại trường; có dụng cụ chế biến thực phẩm bằng inox đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, tuy nhiên một số trang thiết bị như quạt hút khói, tủ hấp cơm, máy xay thịt đã cũ [H3-3.2-05]. Nhà bếp chỉ có kho thực phẩm để sữa bán trú cho trẻ không có kho để thực phẩm chế biến, kho sữa sạch sẽ được sắp xếp gọn gàng, có bảng tồn kho và đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm [H3-3.4-01]; [H3-3.2-06].

Nhà trường trang bị đầy đủ đồ dùng lưu mẫu theo quy định như: tủ lạnh lưu mẫu riêng biệt đặt tại bếp, có đầy đủ các dụng cụ để lưu mẫu và được thực hiện theo đúng quy định của Bộ Y tế [H3-3.2-07].

Mức 2:

a) Nhà trường có phòng làm việc riêng cho hiệu trưởng và phó hiệu trưởng, được trang bị đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành [H3-3.1-01]; [H3-3.2-01].

b) Trường có phòng giáo dục nghệ thuật có diện tích 64,95m^2 và phòng giáo dục thể chất có diện tích 68,4 m^2 cho trẻ hoạt động phát triển giáo dục thể chất và phát triển giáo dục nghệ thuật [H3-3.1-01].

Trường có phòng thư viện để trẻ hoạt động.Tuy nhiên, phòng thư viện nhỏ và số lượng sách chưa đa dạng phong phú [H3-3.1-01].

c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; trong sân trường được trồng nhiều cây xanh tạo bóng mát, sân chơi chung được thiết kế phù hợp hoạt động chơi ngoài trời và đảm bảo an toàn cho trẻ; đảm bảo cho tất cả trẻ em được tiếp cận sử dụng; có khu vực trồng rau dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập [H3-3.1-01]; [H3-3.2-08].

Nhà trường có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài danh mục phù hợp với thực tế: Bộ đồ chơi liên hoàn, thang leo, đồ chơi leo núi. Tuy nhiên, không có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động cho trẻ nhà trẻ và mẫu giáo [H1-1.4-06]; [H3-3.2-04].

Trường có biển tên trường theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Khuôn viên trường có tường rào bao quanh ngăn cách với bên ngoài bằng gạch, cổng sắt. Trường có 01 cổng chính và 01 cổng phụ, luôn đảm bảo vệ sinh sạch sẽ, an ninh trật tự, phối hợp chặt chẽ với sự hỗ trợ của chính quyền địa phương giúp cha mẹ trẻ an tâm khi đưa, đón trẻ đến trường [H3-3.2-08].

Mức 3:

Trẻ được học ngoại ngữ tại lớp, không có phòng riêng. Nhà trường không tổ chức cho trẻ học tin học [H1-1.4-06].

2. Điểm mạnh

Trường có các loại phòng theo quy định, được trang bị đầy đủ các phương tiện, đồ dùng phục vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong công tác.

Nhà trường có số phòng tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi. Phòng sinh hoạt chung kết hợp phòng ngủ của trẻ và các phòng chức năng đều đảm bảo yêu cầu về diện tích, ánh sáng, an toàn và được trang bị đầy đủ các thiết bị, đồ dùng phục vụ trong các hoạt động. Bếp ăn được thiết kế theo quy trình bếp một chiều, có đầy đủ trang thiết bị hiện đại, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và đảm bảo thực hiện đúng các quy định trong Điều lệ trường mầm non.

3. Điểm yếu

Phòng thư viện diện tích còn hẹp và số lượng đầu sách chưa đa dạng phong phú.

Trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học.

Hệ thống quạt hút, tủ cơm, máy xay thịt trong nhà bếp đã cũ. Không gian bếp còn nóng khi thực hiện chế biến thức ăn cho trẻ.

Nhà vệ sinh của cán bộ giáo viên nhân chỉ có 2,73 m^2 và 4,24 m^2 chưa đảm bảo diện tích theo quy định của Điều lệ trường mầm non.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 5 năm 2025, hiệu trưởng chỉ đạo kế toán cân đối nguồn kinh phí từ quỹ thiết bị vật dụng bán trú để trang bị một số đồ dùng thiết bị vật dụng mới, hiện đại đáp ứng cho công việc chế biến tại nhà bếp như: hệ thống quạt hút, tủ cơm, máy xay thịt; Xây dựng kế hoạch sửa chữa cơ sở vật chất, cải tạo lại khu nhà vệ sinh cho cán bộ giáo viên nhân viên.

Tháng 8 năm 2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên làm thêm các loại sách, truyện tranh để hấp dẫn và đáp ứng nhu cầu hoạt động của trẻ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

Mức 1:

a) Hệ thống nước sạch; hệ thống cấp điện; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc và khu vực rác thải;

b) Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố;

c) Thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi.

Mức 2:

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Mức 3:

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường sử dụng nguồn nước của Công ty cấp nước Gia Định, đủ điều kiện cung cấp nước ăn uống, nước sinh hoạt và thực hiện kiểm nghiệm nước định kỳ theo quy định [H3-3.3-01]; [H3-3.3-02].

Nhà trường có hệ thống thu gom rác và ký hợp đồng với công ty dịch vụ công ích quận Bình Thạnh để xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường như: bố trí đủ các phương tiện, dụng cụ để chứa đựng và phân loại rác, các dụng cụ này thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng [H3-3.3-03].

Hệ thống máy tính của nhà trường gồm có 18 máy trong có 12 máy được sử dụng tại các lớp, 06 máy được sử dụng cho công tác quản lý, được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học như: mạng nội bộ, cổng thông tin điện tử, các phần mềm phục vụ cho công tác chuyên môn và bán trú [H1-1.6-03].

Nhà trường có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.1-01]; có nguồn nước sạch đảm bảo cho việc nấu ăn và sinh hoạt hằng ngày của trẻ. Có hợp đồng với công ty uy tín cung cấp nước uống I-on Life [H3-3.3-01]; [H3-3.3-02].

b) Trường Mầm non 14 được xây dựng kiên cố đảm bảo tính thẩm mỹ, có diện tích sử dụng là 2464,6m^2 diện tích sử dụng tính bình quân trên mỗi trẻ là 8,08m^2/trẻ; diện tích sân chơi cho trẻ đạt tỉ lệ 20,7% [H3-3.1-01].

c) Nhà trường có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2015 ban hành danh mục đồ dùng-đồ chơi-thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non như: tivi, bàn, ghế, mô hình răng, bàn chải đánh răng trẻ em, vòng thể dục, gậy thể dục, cổng chui, bóng các loại, đất nặn, bút sáp, tủ đựng nệm gối, kệ để đồ chơi và học liệu [H1-1.4-06]. Ngoài danh mục quy định, hiệu trưởng khuyến khích giáo viên thiết kế đồ dùng-đồ chơi bằng các nguyên vật liệu phế thải phục vụ các hoạt động học tập, vui chơi của trẻ nhưng vẫn đảm bảo an toàn, thẩm mỹ và phát huy tính sáng tạo của trẻ [H3-3.3-04]; [H3-3.3-05]. Định kỳ 02 lần/năm, nhà trường luôn tiến hành kiểm kê, sửa chữa các loại đồ dùng, đồ chơi để đảm bảo an toàn cho trẻ trong khi sử dụng [H1-1.4-06]; [H1-1.6-01]. Tuy nhiên, việc bảo quản đồ dùng, đồ chơi của các lớp chưa chặt chẽ.

Hệ thống máy tính của nhà trường gồm có 18 máy trong có 12 máy được sử dụng tại các lớp, 06 máy được sử dụng cho công tác quản lý, được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học như: mạng nội bộ, cổng thông tin điện tử, các phần mềm phục vụ cho công tác chuyên môn và bán trú [H1-1.6-03].

Mức 2:

Trường Mầm non 14 được xây dựng kiên cố đảm bảo tính thẩm mỹ, có diện tích sử dụng là 2464,6m^2 diện tích sử dụng tính bình quân trên mỗi trẻ là 8,08m^2/trẻ; diện tích sân chơi cho trẻ đạt tỉ lệ 20,7% [H3-3.1-01]. Các hạng công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Mức 3:

Các hạng công trình kiên cố: Diện tích xây dựng công trình 846,7m^2; Diện tích sân vườn 510,9m^2; Diện tích giao thông nội bộ 406,9 m^2 [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường trang bị đầy đủ đồ dùng, đồ chơi, các thiết bị chăm sóc giáo dục trẻ theo quy định Tiêu chuẩn kỹ thuật đồ dùng-đồ chơi-thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non, đảm bảo an toàn và thẩm mỹ.

Khu vực vệ sinh cho trẻ có đầy đủ các thiết bị đồ dùng. Có hệ thống nước sạch và hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Bố trí đủ các phương tiện, dụng cụ có nắp đậy để phân loại, chứa đựng rác hằng ngày không gây ô nhiễm môi trường.

3. Điểm yếu

Trong quá trình sử dụng việc bảo quản đồ dùng, đồ chơi tại các lớp chưa được chặt chẽ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 6 năm 2025, hiệu trưởng tham mưu kế hoạch đầu tư mua sắm bổ sung đồ dùng, đồ chơi theo đúng quy định cho các lớp. Đồng thời, hiệu trưởng tăng cường công tác kiểm tra việc sử dụng và bảo quản đồ dùng, đồ chơi ở các nhóm, lớp.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật:

Trường được xây dựng kiên cố, khuôn viên sân vườn rộng, thoáng có khu vực cho trẻ chơi, đảm bảo an toàn cho trẻ.

Các khối phòng hành chính quản trị, phòng chức năng, bếp một chiều được sử dụng đúng mục đích và hiệu quả. Trang thiết bị tối thiểu đầy đủ, đáp ứng tốt cho hoạt động dạy và học.

Điểm yếu cơ bản:

Nhà vệ sinh của cán bộ giáo viên nhân viên chưa đảm bảo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

Nhà trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học.

Chưa có phòng nghỉ dành riêng cho nhân viên.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 03/03.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/03

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về công tác xã hội hoá giáo dục, trong những năm qua, nhà trường đã chủ động tham mưu với Hội đồng giáo dục cấp cơ sở, tham mưu cấp uỷ, chính quyền địa phương và các ban ngành về kế hoạch và giải pháp huy động các nguồn lực tạo điều kiện phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn đạt hiệu quả. Vận động cha mẹ học sinh hỗ trợ tích cực xây dựng nhiều công trình, hỗ trợ cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ. Đó là những yếu tố quan trọng góp phần vào thành tích đạt được của nhà trường trong thời gian qua.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường hoạt động theo đúng chức năng quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011. Ban đại diện cha mẹ trẻ của từng lớp được bầu trong buổi họp cha mẹ trẻ vào đầu mỗi năm học [H4-4.1-01].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường có xây dựng kế hoạch hoạt động theo từng năm học, phối hợp với nhà trường trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ và thực hiện những nhiệm vụ do Ban đại diện cha mẹ trẻ đề ra; phối hợp với giáo viên chủ nhiệm của lớp để có sự thống nhất trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ [H4-4.1-01].

c) Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đảm bảo đúng tiến độ, sinh hoạt định kỳ 3 lần/năm học để cùng trao đổi với cán bộ quản lý và giáo viên nhằm xây dựng nhà trường ngày càng hoàn thiện hơn [H4-4.1-01]. Ban đại diện cha mẹ trẻ có một vài thành viên chưa tham gia đầy đủ các buổi họp.

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ trẻ luôn phối hợp với nhà trường, tham gia đóng góp ý kiến, đề xuất các biện pháp giúp nhà trường tổ chức tốt hơn các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. Trưởng ban đại diện cha mẹ trẻ và chi hội trưởng các lớp có các biện pháp hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương, chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ thông qua các buổi họp, qua cổng thông tin điện tử, zalo, tin nhắn [H4-4.1-02].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh: phối hợp với giáo viên trong việc giáo dục kỹ năng sống cho trẻ, khuyến khích trẻ đi học đầy đủ, tham gia, hỗ trợ các hoạt động của trường, lớp, tổ chức các lễ hội, thực hiện tài trợ về tài chính và cơ sở vật chất, thỏa thuận thực hiện theo Nghị quyết số 04/2017/QĐ/HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về hợp đồng với nhân viên nuôi dưỡng [H4-4.1-01].

2. Điểm mạnh

Trường đã thành lập Ban đại diện cha mẹ trẻ và hoạt động theo đúng chức năng quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011.

3. Điểm yếu

Ban đại diện cha mẹ trẻ có một vài thành viên chưa tham gia đầy đủ các buổi họp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 3 năm 2025 đến những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục duy trì, vận động phối hợp có hiệu quả hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục. Hiệu trưởng và trưởng ban đại diện cha mẹ trẻ tuyên truyền, khuyến khích cha mẹ trẻ tham dự các buổi họp ở trường để hiểu và hỗ trợ tích cực hơn cho các hoạt động của nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương Phường 14 để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ như: tham mưu công tác huy động trẻ trong độ tuổi mầm non ra lớp, thực hiện phổ cập giáo dục trẻ 5 tuổi, hỗ trợ công tác đảm bảo an ninh trật tự trong và ngoài nhà trường học [H1-1.10-01]; [H4-4.2-01]; [H4-4.2-02].

b) Nhà trường tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức như: qua sự phối hợp của nhà trường với Hội Chữ thập đỏ phường, Trạm Y tế phường, Hội Khuyến học; qua các cuộc họp ở địa phương, bảng tin trường, lớp; qua trao đổi giữa giáo viên và cha mẹ học sinh vào giờ đón, trả trẻ.

c) Nhà trường huy động các tổ chức, đoàn thể, cá nhân ở địa phương, trong đó chủ yếu là cha mẹ trẻ để huy động các nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất cho các lớp trong nhà trường như máy lạnh, cây xanh, nguyên vật liệu dạy học cho trẻ [H4-4.1-01].

Mức 2:

a) Nhà trường tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

b) Nhà trường phối hợp với các tổ chức Công đoàn, Chi đoàn để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương: Ngày hội Bé đến trường, Trung thu, ngày nhà giáo Việt Nam, Noel, Bé mừng xuân, ngày Quốc tế phụ nữ 8/3 [H4-4.2-05]; [H4-4.2-06].

Mức 3:

Hiệu trưởng thực hiện tham mưu với chính quyền địa phương và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân trong công tác xây dựng nhà trường và giáo dục trẻ [H1-1.1-04]. Tuy nhiên, nhà trường chưa đạt chuẩn quốc gia và chưa trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương do hạn chế về điều kiện cơ sở vật chất.

2. Điểm mạnh

Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương trong việc thực hiện chính sách đối với việc chăm sóc, giáo dục trẻ và phối hợp tốt với các tổ chức, đoàn thể trong huy động xây dựng cơ sở vật chất và môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn cho trẻ.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025, hiệu trưởng tiếp tục chủ động tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương trong thực hiện chính sách liên quan đến chăm sóc, giáo dục trẻ; huy động các tổ chức, đoàn thể, cá nhân hỗ trợ nguồn lực trong xây dựng cơ sở vật chất, tạo môi trường xanh-sạch-đẹp, an toàn để trở thành trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương theo từng thời điểm phù hợp giúp nhà trường ngày càng nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có đầy đủ các thành phần Ban đại diện cha mẹ trẻ của lớp, của trường. Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo đúng quy định. Nhà trường thực hiện tốt công tác tuyên truyền và phối hợp với cha mẹ trẻ. Giáo viên phụ trách lớp thường xuyên trao đổi, phối hợp đồng bộ, chặt chẽ với cha mẹ trẻ trong việc chăm sóc giáo dục trẻ.

Làm tốt công tác tham mưu, chủ động phối hợp có hiệu quả với cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân địa phương nhằm huy động các nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng trường học xanh-sạch-đẹp và môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn cho trẻ.

Điểm yếu cơ bản:

Nhà trường chưa trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu**:** 00/02

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu

Nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ được cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường quan tâm đặt lên hàng đầu để phấn đấu thực hiện đạt mục tiêu giáo dục đề ra. Chính vì vậy, việc nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ thể hiện rõ nét theo mức độ phát triển trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ, các kỹ năng xã hội, thói quen, hành vi đáp ứng yêu cầu giáo dục trẻ theo Chương trình giáo dục mầm non và niềm mong đợi của cha mẹ trẻ.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đáp ứng với mục tiêu, yêu cầu của Chương trình giáo dục mầm non, phù hợp điều kiện của địa phương và nhà trường;

c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

Mức 2:

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và trường mầm non;

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, trường mầm non và khả năng, nhu cầu của trẻ.

Mức 3:

a) *Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương;*

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường tổ chức thực hiện và triển khai Chương trình giáo dục mầm non theo Văn bản hợp nhất 01/VBHN-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đến giáo viên [H1-1.6-02]; [H1-1.8-01].

b) Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục dựa trên Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đáp ứng với mục tiêu, yêu cầu cầu của Chương trình giáo dục mầm non, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và nhà trường [H1-1.7-03]; [H5-5.1-01].

c) Cán bộ quản lý thường xuyên kiểm tra, rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non thông qua mạng nội bộ kiểm tra kế hoạch giáo viên, qua các buổi họp chuyên môn, đánh giá, rút kinh nghiệm để có hướng bồi dưỡng tay nghề cho giáo viên, nhân viên nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.7-06]; [H5-5.1-01].

Mức 2:

a) 100% giáo viên có tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đúng theo kế hoạch giáo dục, linh hoạt và phù hợp với khả năng và nhu cầu của trẻ [H1-1.6-04]; [H1-1.7-03].

b) Nhà trường có bồi dưỡng, hướng dẫn giáo viên biết lựa chọn mục tiêu, nội dung giáo dục nhằm phát triển Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ [H1-1.7-02]; [H1-1.7-03].

Mức 3:

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở học tập của các nước trong khu vực đúng quy định, áp dụng hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và địa phương. Bên cạnh đó, các bộ quản lý cũng thường xuyên nghiên cứu những tài liệu về

chương trình giáo dục trẻ của các nước để học tập và hướng dẫn giáo viên thực hiện thông qua hoạt động chơi, làm đồ dùng dạy học [H1-1.8-01]. Tuy nhiên, việc phát triển chương trình ở lớp Mầm 2, lớp Chồi 2 chưa đạt hiệu quả cao.

b) Hằng năm, nhà trường có tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non, từ đó có biện pháp để điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ thông qua báo cáo hằng tháng và triển khai trong các buổi họp [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đầy đủ chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với điều kiện thực tế của trường, văn hóa địa phương.

3. Điểm yếu

Việc phát triển chương trình ở lớp Mầm 2, Chồi 2 chưa đạt hiệu quả cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục tiếp tục phát huy công tác quản lý Chương trình giáo dục mầm non trong nước và các nước thế giới thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn tổ mang nhiều nội dung phong phú để giáo viên được học tập. Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục quan tâm bồi dưỡng nhiều hơn đến việc lập kế hoạch và thực hiện phát triển chương trình các lớp còn yếu.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng mở, an toàn; tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục mầm non, phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm "chơi mà học, học bằng chơi".

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Giáo viên thực hiện linh hoạt các phương pháp tổ chức hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho trẻ, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với lứa tuổi và điều kiện của nhà trường như: phương pháp đàm thoại, trực quan hình ảnh, phương pháp nêu gương, khuyến khích [H1-1.8-03].

b) Giáo viên tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học theo hướng lấy trẻ làm trung tâm, tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ nhằm kích thích sự hứng thú cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi [H5-5.1-02]; [H1-1.8-03]. Tuy nhiên, 02 giáo viên chưa có nhiều năm công tác, chưa tận dụng nhiều cơ hội để tạo tình huống cho trẻ trải nghiệm.

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ em và điều kiện thực tế thông qua các hoạt động lễ hội, tham quan, dã ngoại, kỹ năng sống, giúp trẻ có sự năng động tích cực trong các hoạt động lễ hội [H5-5.2-01].

Mức 2:

Thông qua các hoạt động trong ngày, giáo viên tổ chức cho trẻ thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú và điều kiện thực tế của nhà trường; 100% giáo viên đưa vào kế hoạch năm, tháng, tuần và đưa ra các biện pháp giúp trẻ hoạt động tích cực, hứng thú [H1-1.8-03]; [H5-5.2-01].

Mức 3:

95% giáo viên tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trãi nghiệm theo phương châm "học bằng chơi, chơi mà học" [H5-5.1-01]. Bên cạnh đó còn 5% giáo viên chưa có kinh nghiệm trong công tác giảng dạy nên khả năng tổ chức các hoạt động tạo hứng thú kích thích sáng tạo cho trẻ chưa cao

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhà trường có sự phối hợp thống nhất trong thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ phù hợp với mục tiêu, nội dung và điều kiện thực tế của trường.

3. Điểm yếu

Còn 5% giáo viên chưa có kinh nghiệm trong công tác nên khả năng tổ chức các hoạt động tạo hứng thú kích thích sáng tạo cho trẻ chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ tháng 3 năm 2025 và những năm tiếp theo, cán bộ quản lý tiếp tục bồi dưỡng giáo viên đặc biệt là các giáo viên chưa có kinh nghiệm trong công tác về phương pháp, cách tổ chức các hoạt động và xây dựng môi trường giáo dục theo hướng phát triển tính chủ động, sáng tạo cho trẻ bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi và điều kiện thực tế nhằm kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ vui chơi, trải nghiệm.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường phối hợp với Trung tâm y tế quận Bình Thạnh và Trạm y tế Phường 14 trong việc tổ chức hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ: khám sức khỏe định kỳ, uống vacxin và thực hiện tiêm chủng mở rộng theo quy định của Bộ Y tế [H5-5.3-01].

b) Định kỳ theo quý và tháng, 100% trẻ tại trường đều được khám sức khỏe và được cân đo đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định [H5-5.3-02].

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp và tích cực nhằm giúp trẻ khỏe mạnh, cơ thể hài hòa cân đối; các biện pháp đã tổ chức thực hiện như: đối với trẻ suy dinh dưỡng xây dựng thực đơn giàu dinh dưỡng, tăng cường phô mai, uống sữa; tổ chức các hoạt động cho trẻ tắm nắng hằng ngày. Đối với trẻ thừa cân-béo phì tổ chức cho trẻ chơi các trò chơi vận động, lao động phụ giúp cô và ba mẹ; thực hiện một số bài tập vận động kết quả triển khai các biện pháp can thiệp nhằm cải thiện sức khỏe cho trẻ đến cuối năm học [H5-5.3-03], cụ thể:

Nội dung	Năm học				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Trẻ suy dinh dưỡng	8/12 trẻ (66,7%)	16/16 trẻ (100%)	3/3 trẻ (100%)	3/3 trẻ (100%)	9/9 trẻ (100%)

Nội dung	Năm học				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Trẻ thừa cân, béo phì	17/50 trẻ (34%)	23/66 trẻ (38,4%)	23/46 trẻ (50%)	20/29 trẻ (67%)	18/32 trẻ (56,25%)

Mức 2:

a) Nhà trường có tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ thông qua buổi họp cha mẹ học sinh và trong giờ đón, trả trẻ [H5-5.3-04].

b) Nhà trường thực hiện chế độ ăn cho trẻ phù hợp với lứa tuổi, có xây dựng thực đơn và khẩu phần dinh dưỡng đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định, cụ thể như: Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi, số bữa ăn tại trường gồm một bữa chính và một bữa phụ; nước uống; thực đơn được nhà trường xây dựng cân đối giữa các chất đạm, chất béo, chất bột; đa dạng, phong phú theo tuần [H5-5.3-05].

c) Hằng năm, tỷ lệ xóa trẻ suy dinh dưỡng đạt 100% và chế độ dinh dưỡng, các biện pháp được can thiệp đối với trẻ dư cân béo phì luôn được cải thiện. Tuy nhiên, kết quả tỷ lệ trẻ giảm dư cân béo phì chưa được cao [H1-1.1-04]; [H5-5.3-03].

Mức 3:

Trong năm học 2023-2024 trẻ khỏe mạnh, có chiều cao, cân nặng phát triển bình thường là 204/218 trẻ chiếm 93,6% thấp hơn so với yêu cầu [H5-5.3-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện hiệu quả các biện pháp trong việc giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, đảm bảo sức khỏe cho trẻ dư cân-béo phì và phối hợp tốt với cơ sở y tế địa phương để tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe trẻ.

3. Điểm yếu

Kết quả tỷ lệ trẻ giảm dư cân béo phì chưa được cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 3 năm 2025, hiệu trưởng xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm tỷ lệ trẻ dư cân-béo phì bằng nhiều biện pháp như: chỉ đạo giáo viên xây dựng các bài tập vận động, trò chơi vận động để tăng cường vận động cho trẻ thừa cân, béo phì, tăng cường rau xanh vào khẩu phần ăn để tăng tỷ lệ trẻ khỏe mạnh, có chiều cao, cân nặng phát triển bình thường đạt yêu cầu.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập được theo dõi thông qua kế hoạch giáo dục cá nhân. Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Cuối mỗi tháng, nhà trường đều thực hiện tính tỷ lệ chuyên cần của học sinh, đối với trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi tỷ lệ chuyên cần đạt từ 89-95%; tỷ lệ chuyên cần của trẻ nhà trẻ, trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi, trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi đạt từ 89-90% [H1-1.5.02]; [H5-5.4-01].

Lứa tuổi	**Năm học**				
	2019-2020	**2020-2021**	**2021-2022**	**2022-2023**	**2023-2024**
Trẻ dưới 5 tuổi	90%	86%	85%	89%	90%
Trẻ 5-6 tuổi	90%	84%	86%	91%	95%

b) Cuối mỗi năm học tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non luôn đạt tỷ lệ 100% [H4-4.2-01].

c) Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập. Riêng trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm dưới hình thức miễn, giảm học phí: có 03 trẻ thuộc diện hộ nghèo được miễn giảm 100% học phí [H1-1.6-01].

Mức 2:

a) Tính đến tháng 01 năm 2024, tỷ lệ chuyên cần đạt trẻ 5 tuổi đạt 95%, trẻ dưới 5 tuổi đạt 90% [H1-1.5-02]; [H5-5.4-01].

b) Trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non 100% [H4-4.2-01].

c) Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.1-04].

Mức 3:

a) 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non [H5-5.4-02].

b) Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ chuyên cần trẻ mẫu giáo tại trường đảm bảo theo quy định. Hằng năm 100% trẻ 5 tuổi tại trường được theo dõi đánh giá và hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non.

3. Điểm yếu

Tỉ lệ chuyên cần của khối nhà trẻ còn thấp, do trẻ còn nhỏ hay bệnh nên đi học chưa đều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ tháng 3 năm 2025, hiệu trưởng chỉ đạo các bộ phận, giáo viên đảm bảo tỷ lệ chuyên cần trẻ ở các lứa tuổi đạt yêu cầu. Giáo viên khối nhà trẻ thường xuyên phối hợp cùng cha mẹ trẻ chăm sóc tốt sức khỏe trẻ, động viên cha mẹ cho trẻ đi học chuyên cần.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật:

Trẻ có sự phát triển tốt về thể chất theo mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non, có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân phù hợp với độ tuổi.

Trẻ nhanh nhẹn, hoạt bát, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, vui chơi, văn nghệ, lễ hội, phát triển đạt mục tiêu theo yêu cầu của Chương trình giáo dục mầm non, phù hợp từng độ tuổi. Trẻ có ý thức trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường lớp học, gia đình và những nơi công cộng, có mối quan hệ tích cực, thân thiện, chia sẻ hợp tác với bạn bè trong các hoạt động sinh hoạt vui chơi, học tập phù hợp với độ tuổi.

Điểm yếu cơ bản:

Việc phát triển chương trình ở lớp Mầm 2 và Chồi 2 chưa đạt hiệu quả cao.

Kết quả tỷ lệ trẻ giảm dư cân béo phì chưa được cao.

Tỉ lệ chuyên cần của khối nhà trẻ còn thấp.

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04

+ Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với các trường mầm non, Trường Mầm non 14 đăng ký đánh giá ngoài với kết quả tự đánh giá như sau:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt:

+ Mức 1:

* Các tiêu chí đạt: 22/22, tỷ lệ:100%

* Các tiêu chí không đạt: 00/22, tỷ lệ: 0%

+ Mức 2:

* Các tiêu chí đạt: 15/22, tỷ lệ: 68,18%

* Các tiêu chí không đạt: 07/22, tỷ lệ: 31,82%

+ Mức 3:

* Các tiêu chí đạt: 04/16, tỷ lệ 25%

* Các tiêu chí không đạt: 12/16, tỷ lệ 75%

- Mức đánh giá của trường mầm non: Mức 1

Căn cứ theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐTngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, Trường Mầm non 14 đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục đạt Cấp độ 1.

Nhà trường sẽ tiếp tục có kế hoạch hoàn thiện và cải tiến chất lượng công tác quản lý, tổ chức các hoạt động giáo dục ngày càng tốt hơn để đáp ứng nhu cầu đổi mới của xã hội và đất nước hiện nay./.

Bình Thạnh, ngày 10 tháng 7 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG MẦM NON 14

Nguyễn Thị Nam Phương

Phần IV. PHỤ LỤC
Bảng danh mục mã minh chứng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,…	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Phương hướng, chiến lược xây dựng phát triển nhà trường	Số 30/KH-MN14 ngày 20/4/2020	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H1-1.1-02]	Hình ảnh bảng tin phương hướng, chiến lược xây dựng phát triển nhà trường	Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn phòng
	3	[H1-1.1-03]	Hình ảnh đường truy cập vào Cổng thông tin điện tử về phương hướng chiến lược, website của trường	Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn phòng
	4	[H1-1.1-04]	Biên bản Hội đồng trường	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Quyết định thành lập Hội đồng trường	3308/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Phòng hiệu trưởng

	2	[H1-1.2-02]	Quyết định thành lập Hội đồng khoa học chấm sáng kiến kinh nghiệm	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	3	[H1-1.2-03]	Quyết định thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	4	[H1-1.2-04]	Quyết định thành lập Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi cấp trường	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	5	[H1-1.2-05]	Biên bản họp Hội đồng nhà trường	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	6	[H1-1.2-06]	Hồ sơ thi đua	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Hồ sơ Công đoàn	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Chủ tịch Công đoàn	Văn phòng
	2	[H1-1.3-02]	Hồ sơ Chi đoàn	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Bí thư Chi đoàn	Văn phòng
	3	[H1-1.3-03]	Hồ sơ Hội Khuyến học	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn phòng
	4	[H1-1.3-04]	Hồ sơ Chi bộ	Năm học 2019-2020	Hiệu trưởng	Văn phòng

				đến 2023-2024		
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Hồ sơ hiệu trưởng	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.4-02]	Hồ sơ phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.4-03]	Hồ sơ phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.4-04]	Hồ sơ quản lý nhân sự	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	5	[H1-1.4-05]	Hồ sơ tổ chuyên môn, văn phòng	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Tổ trưởng chuyên môn	Phòng hiệu trưởng
	6	[H1-1.4-06]	Sổ tài sản trường, lớp - Biên bản kiểm tra tài sản	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phòng hiệu trưởng
	7	[H1-1.4-07]	Hồ sơ đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	8	[H1-1.4-08]	Hồ sơ đánh giá xếp loại viên chức	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	9	[H1-1.4-09]	Kế hoạch làm việc và bảng phân công nhiệm vụ nhân viên	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng

	10	[H1-1.4-10]	Sổ lưu trữ công văn đi, đến	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Văn thư	Phòng hiệu trưởng
	11	[H1-1.4-11]	Kế hoạch thực hiện chuyên đề	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Danh bạ học sinh	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H1-1.5-02]	Sổ điểm danh	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Hồ sơ kế toán	Từ năm 2019 đến năm 2024	Kế toán	Phòng hiệu trưởng
	2	[H1-1.6-02]	Hồ sơ quản lý bán trú	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	3	[H1-1.6-03]	Quy chế chi tiêu nội bộ	Từ năm 2019 đến năm 2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	4	[H1-1.6-04]	Hợp đồng các công ty cung cấp phần mềm	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	5	[H1-1.6-05]	Biên bản kiểm tra tài chính, tài sản	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Kế toán	Phòng hiệu trưởng
	6	[H1-1.6-06]	Kế hoạch tài chính ngắn	Năm học 2019-2020 đến	Hiệu trưởng	Phòng hiệu

			hạn, trung hạn	2023-2024		trưởng
	7	[H1-1.6-07]	Dự toán tài chính	Từ năm 2014 đến năm 2019	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch bồi dưỡng đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H1-1.7-02]	Kế hoạch thực hiện bồi dưỡng thường xuyên	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	3	[H1-1.7-03]	Bảng phân công nhiệm vụ cho Cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	4	[H1-1.7-04]	Hợp đồng lao động, khám sức khỏe cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Kế toán	Phòng hiệu trưởng
	5	[H1-1.7-05]	Bảo hiểm xã hội y tế, bảo hiểm tai nạn	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Kế toán	Văn phòng
	6	[H1-1.7-06]	Phiếu dự giờ hoạt động dạy và nuôi	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	02 Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng

Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Hồ sơ quản lý công tác chăm sóc giáo dục	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
	2	[H1-1.8-02]	Hồ sơ quản lý công tác chăm sóc nuôi dưỡng	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
	3	[H1-1.8-03]	Kế hoạch giáo dục của giáo viên	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
	4	[H1-1.8-04]	Báo cáo tổng kết năm học	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Hồ sơ quy chế dân chủ	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H1-1.9-02]	Văn kiện Hội nghị Cán bộ công chức, viên chức	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Công đoàn	Văn phòng
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Hồ sơ an ninh trật tự	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H1-1.10-02]	Phương án phòng chống tai nạn thương tích	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
	3	[H1-1.10-03]	Phương án và biên bản phòng chống cháy nổ	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
	4	[H1-1.10-04]	Hồ sơ vệ sinh an toàn thực	Năm học 2019-2020 đến	Hiệu trưởng	Phòng phó

			phẩm	2023-2024		hiệu trưởng
	5	[H1-1.10-05]	Phương án phòng chống dịch bệnh	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
	6	[H1-1.10-06]	Kế hoạch phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
	7	[H1-1.10-07]	Hình ảnh tập huấn sơ cấp cứu và phòng cháy chữa cháy	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
	8	[H1-1.10-08]	Hình chụp hộp thư góp ý, số điện thoại của hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng, lịch tiếp công dân	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn phòng
	9	[H1-1.10-09]	Hồ sơ đời sống văn hóa	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Hồ sơ đánh giá xếp loại Chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H2-2.1-02]	Bằng cấp và chứng chỉ của	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu

			cán bộ, giáo viên và nhân viên			trưởng
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Đề án vị trí việc làm	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Hồ sơ thiết kế xây dựng trường, hình ảnh biển tên trường.	Từ năm 1994 đến năm 2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H3-3.1-02]	Hình ảnh các nhóm lớp	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phòng phó hiệu trưởng
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Hình ảnh trang thiết bị các phòng làm việc: văn phòng, phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, phòng nhân viên, khu để xe	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phòng hiệu trưởng
	2	[H3-3.2-02]	Hình ảnh khu vực nhà vệ sinh cán bộ, giáo viên, nhân viên. Khu vực nhà vệ	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng

			sinh trẻ			
	3	[H3-3.2-03]	Hình ảnh trẻ phòng chức năng và lớp học	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
	4	[H3-3.2-04]	Hình ảnh đồ chơi ngoài trời	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
	5	[H3-3.2-05]	Sổ tài sản nhà bếp	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
	6	[H3-3.2-06]	Hình ảnh nhà bếp	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
	7	[H3-3.2-07]	Sổ 3 bước: sổ lưu mẫu sổ chợ, sổ tiếp phẩm...	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
	8	[H3-3.2-08]	Hình ảnh khuôn viên trường, lớp, bảng tên trường, vườn cây của trẻ	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Phiếu xét nghiệm nước	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Trung tâm y tế Quận	Phòng phó hiệu trưởng
	2	[H3-3.3-02]	Hợp đồng nước uống	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
	3	[H3-3.3-03]	Hợp đồng thu gom rác	Năm học 2019-2020	Phó hiệu trưởng	Phòng phó

				đến 2023-2024		hiệu trưởng
	4	[H3-3.3-04]	Hình ảnh thiết bị đồ dùng, đồ chơi các nhóm, lớp	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
	5	[H3-3.3-05]	Hình ảnh giáo viên sử dụng đồ dùng, đồ chơi để dạy học và trẻ được sử dụng	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Hồ sơ Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H4-4.1-02]	Biên bản họp cha mẹ trẻ các lớp	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Hồ sơ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H4-4.2-02]	Kế hoạch tuyển sinh	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	3	[H4-4.2-03]	Văn bản phối hợp với các tổ chức Chữ thập đỏ, Y tế...	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
	4	[H4-4.2-04]	Sổ liên lạc, sổ bé ngoan	Năm học 2024-2025	Giáo viên	Lớp

	5	[H4-4.2-05]	Hình ảnh các ngày lễ hội	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
	6	[H4-4.2-06]	Kế hoạch tổ chức lễ hội	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Biên bản kiểm tra môi trường trong và ngoài lớp	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
	2	[H5-5.1-02]	Hình ảnh trẻ hoạt động trên môi trường trong và ngoài lớp, góc chơi	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phòng phó hiệu trưởng
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Hình ảnh hoạt động lễ hội của trẻ	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phòng phó hiệu trưởng
	2	[H5-5.2-02]	Vở bài tập của học sinh	Năm học 2024-2025	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Hợp đồng khám sức khỏe hoặc các văn bản phối hợp với các cơ quan y tế chăm sóc sức khỏe trẻ	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng

	2	[H5-5.3-02]	Sổ theo dõi sức khỏe trẻ và kết quả khám sức khỏe trẻ	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Phòng phó Hiệu trưởng
	3	[H5-5.3-03]	Hồ sơ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì	Năm học 2022-2023 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng
	4	[H5-5.3-04]	Thông báo kết quả khám sức khỏe cho phụ huynh	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
	5	[H5-5.3-05]	Thực đơn và khẩu phần dinh dưỡng	Năm học 2020-2021 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Tỉ lệ chuyên cần các lớp	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
	2	[H5-5.4-02]	Đánh giá trẻ theo bộ Chuẩn trẻ 5 tuổi	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng